

Bản án số: 277/2017/HSST

Ngày: 21/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kính.

2/ Bà Lại Thị Đắc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa H Đào – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 198/2017/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Ngọc A (tên gọi khác: Đen), giới tính: Nam, sinh ngày 13/12/1991, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/3 Đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông Trần Ngọc A1 và bà Tăng Thị N. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 27/12/2012, Tòa án nhân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp giết tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2014. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/3/2007, Tòa án nhân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giết tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 14/3/2008. Ngày 21/02/2017, Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt cơn, giải độc phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Trần Ngọc A khai tên giả là Tăng Thế Cường). Ngày 05/3/2017, Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hủy quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt cơn, giải độc phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do phát hiện Tăng Thế Cường chính là Trần Ngọc A đang bị truy nã.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/3/2017 (Có mặt).

Người bị hại:

1. Anh: Nguyễn Văn Quốc V, sinh năm: 1990. Hộ khẩu thường trú: Ấp TL, xã NN, huyện TT, tỉnh LA. Chỗ ở: Số 94/10 Đường Q, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Anh: Nguyễn Lê T, sinh năm: 1991. Hộ khẩu thường trú: Ấp PĐ, xã VB, huyện CL, tỉnh BT. Chỗ ở: Số 94/10 Đường Q, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Ngọc A bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh Anh T và Trần Ngọc A có mối quan hệ bạn bè từ trước. Khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 20/02/2016, Nguyễn Văn L rủ và được Nguyễn Thanh Anh T, Trần Ngọc A đồng ý đi tìm kiếm tài sản trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. A điều khiển xe gắn máy (không xác định biển số) chở Nguyễn Thị Thúy H là bạn gái A, L điều khiển xe gắn máy hiệu Wave (không rõ biển số) chở T. Khi cả nhóm đến trước hẻm 94 Đường Q, Phường B, Quận T thì A nói H đứng bên ngoài, còn L, A và T đi vào trong hẻm. Khi L, A, T đến trước nhà số 94/10 Đường Q, Phường B, Quận T thì phát hiện nhà của anh Nguyễn Văn Quốc V khóa cửa ngoài, bên trong sân có 03 xe gắn máy các loại, nhưng không người trông coi, A nói T và L đứng ngoài canh giới, A dùng thanh sắt mang theo phá bung khóa cửa ngoài vào trong sân định dùng đoạn sắt mang theo bẻ khóa lấy xe SH 150i, biển số 51H1-343.77 của anh Nguyễn Văn Quốc V và xe hiệu Future biển số 71S7-6089 của anh Nguyễn Lê T; nhưng xe SH 150i không khóa, nên A dẫn xe mô tô SH 150i, biển số 51H1-343.77 đưa ra ngoài giao cho L, T giữ, A quay vào dùng đoạn sắt bẻ khóa cổ xe hiệu Future, biển số 71S7-6089, nhưng bị gãy đoạn sắt (dụng cụ phá khóa xe) nên A bỏ lại xe Future, biển số 71S7-6089, quay ra chở H và cùng T điều khiển xe Wave, dùng chân đẩy xe SH vừa trộm do L điều khiển đến đường C, Phường B, Quận T. Tại đây A dùng đoạn sắt khác mở được công tắc điện xe SH trên. Sau đó, A nói L điều khiển xe SH đến cầu P, Quận N chở A, còn A chở H cùng T điều khiển xe đi chơi internet tại đường PH. Khoảng 05 giờ cùng ngày 20/02/2016, A đến gặp L tại ngã tư đường P – đường Đ, Quận N và cùng L điều khiển xe SH đến Quận M bán, nhưng không được. Qua quen biết, A gặp Tổng Hữu P giới thiệu A bán xe SH cho TB (không rõ lai lịch) được 13.000.000 đồng và 01 gói ma túy đá trị giá 2.000.000 đồng, có được tiền A, T, L chia mỗi người 4.000.000 đồng, A cho H 1.000.000 đồng, gói ma túy 04 người cùng sử dụng chung.

Bị mất tài sản, anh Nguyễn Văn Quốc V đến Công an Phường trình báo và giao nộp 01 đĩa CD màu vàng, hiệu Kachi Japan CDR80 là đĩa ghi hình A cùng đồng phạm trộm xe của anh V.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 11/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T kết luận: Xe gắn máy hiệu SH 150i, biển số 51H1-343.77, có giá trị là 57.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 22/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T kết luận: Xe gắn máy hiệu Future, biển số 71S7-6089, có giá trị là 2.300.000 đồng.

Ngày 14/3/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Ngọc A và ngày 16/3/2016 ra lệnh bắt tạm giam đối với Trần Ngọc A, nhưng A bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra lệnh truy nã, đến ngày 06/3/2017 đã bắt được A.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Trần Ngọc A khai nhận hành vi phạm tội trên, lời khai của Trần Ngọc A phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh Anh T, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 200/CT-VKS ngày 22/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc A mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng các đồng phạm lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người những người bị hại với mục đích là để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

Nội dung bị cáo Trần Ngọc A khai nhận về cơ bản phù hợp với bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Ngọc A phù hợp với: Biên bản vụ việc, biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; biên bản xác định địa điểm, lời khai của các đồng phạm (Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh Anh T) và lời khai của những người bị hại; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Tài sản mà bị cáo Trần Ngọc A và các đồng phạm chiếm đoạt, có tổng trị giá là 59.300.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng).

Như vậy, với hành vi phạm tội và trị giá tài sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần Ngọc A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của bị cáo cùng các đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật,

nhưng với động cơ vụ lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài, nhưng lại lười lao động, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính giản đơn, không có tổ chức chặt chẽ, trong đó bị cáo L và A giữ vai trò chính so với bị cáo T; vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét vai trò đồng phạm, tính chất, mức độ tham gia tội phạm của bị cáo A theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi quyết định hình phạt.

Xét, trong lần phạm tội này của bị cáo Trần Ngọc A thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, bị cáo có quá trình nhân thất xấu và trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn, sau đó bị bắt theo quyết định truy nã, đã gây khó khăn trong quá trình điều tra; nên cũng cần lưu ý.

Do đó, về hình phạt cần xét xử nghiêm đối với bị cáo Trần Ngọc A và cần có một khoảng thời gian nhất định cách L xã hội mới có tác dụng dè dặt, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Xét, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc A là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với các đồng phạm khác (Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh Anh T), cũng như những đối tượng khác có liên quan đến vụ án và về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; đã được giải quyết tại Bản án số 234/2016/HSST ngày 23/9/2016, của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc A (tên gọi khác: Đen) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc A (tên gọi khác: Đen) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 06/3/2017.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Ngọc A (tên gọi khác: Đen).

+ Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 234/2016/HSST, ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc A (tên gọi khác: Đen) phải chịu số tiền là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Đội CSBV&HTTP, NTG CA Q.8;
- Đội CSĐT THCA Q.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trú